

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST

Ngày: 28-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 100/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số A, phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Thanh T1 – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng C (Quyết định ủy quyền số 30/QĐ-NHCS ngày 01/3/2023, ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

+ Khoản vay thứ nhất: Ngày 12/7/2017, Ngân hàng C có cho ông Lê Thanh P vay chương trình Giải quyết việc làm; số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn số 66000007100736786, lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 06 tháng/lần, lãi trả hàng tháng.

Đến ngày 07/02/2025, ông Lê Thanh P không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi món vay Giải quyết việc làm theo quy định. Tổng số tiền ông Lê Thanh P còn nợ là: 38.630.227 đồng. Trong đó: Số tiền gốc là: 30.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 là 8.630.227 đồng

+ Khoản vay thứ hai: Ngày 12/07/2017, Ngân hàng C có cho ông Lê Thanh P vay chương trình hộ mới thoát nghèo; số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn số 6600000710736458, lãi suất 0,68%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 06 tháng/lần, lãi trả hàng tháng.

Đến ngày 07/02/2025, ông Lê Thanh P không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi món vay hộ mới thoát nghèo theo quy định. Tổng số tiền ông Lê Thanh P còn nợ là 68.975.786 đồng. Trong đó: Số tiền gốc là: 50.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 là 18.975.786 đồng.

Nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Lê Thanh P thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng là: 107.606.013 đồng. Trong đó, số tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/8/2025 là 27.606.013 đồng. Đồng thời, ông Lê Thanh P phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh kể từ sau ngày 28/8/2025 cho đến khi ông Lê Thanh P trả hoàn tất nợ gốc và lãi theo Hợp đồng đã ký.

- Đối với bị đơn ông Lê Thanh P: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn ông Lê Thanh P: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn ông Lê Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai theo

quy định nhưng ông P vắng mặt, không có lý do. Đại diện nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn ông Lê Thanh P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc trả số tiền vay:

[2.1] Ngân hàng C yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Thanh P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền còn nợ là 107.606.013 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi tính đến 28/8/2025 là 27.606.013 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh sau ngày 28/8/2025 đến ngày trả hoàn tất nợ.

[2.2] Chứng cứ Ngân hàng C đưa ra là sổ vay vốn, sổ lưu và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, có chữ ký xác nhận của ông Lê Thanh P. Ông P đã được Toà án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của người đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[2.3] Nhận thấy khi thực hiện thỏa thuận vay tài sản, nguyên đơn Ngân hàng C đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền như cam kết cho bị đơn, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn khi đến hạn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, thỏa thuận và vi phạm Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn ông P thanh toán số tiền nợ gốc còn lại của hai hợp đồng tín dụng là 80.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến 28/8/2025 là 27.606.013 đồng và ông P phải trả lãi phát sinh sau ngày 28/8/2025 theo lãi suất thỏa thuận trong sổ vay vốn, sổ lưu và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn cho đến ngày trả hết nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bị đơn ông Lê Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.380.300 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận)

theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.2] Ngân hàng C không phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn ông Lê Thanh P.

1. Buộc bị đơn ông Lê Thanh P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền còn nợ là 107.606.013 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn không trăm mười ba đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, nợ lãi là 27.606.013 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn, sổ lưu và giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.380.300 đồng (Năm triệu ba trăm tám mươi nghìn ba trăm đồng), nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ. Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Đương sự, đại diện DS;
- TAND TP Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 - CT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ